

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HOÀN KIẾM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2025/DSST
Ngày: 17/4/2025.
V/v: “*Tranh chấp HĐ tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HOÀN KIẾM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kinh
2. Ông Nguyễn Văn Hoà

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kiều Diễm - Cán bộ TAND quận Hoàn Kiếm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 214/2024/TLST- DS ngày 9 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 20/2025/QĐST-HPT ngày 31 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Á (A); Địa chỉ trụ sở: số D N, phường E, quận C, Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị T – Giám đốc xử lý nợ. (theo Giấy uỷ quyền số 2118/UQ-QLN.23 ngày 13/11/2023)

Uỷ quyền lại: Bà Ma Thị Ngọc M – Nhân viên xử lý nợ; (theo Giấy uỷ quyền số 4404/UQ-CNTL.24 ngày 20/11/2024)

Địa chỉ liên hệ: số A P, phường P, quận H, Hà Nội. (xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trần D, sinh năm 1988; Trú tại: số D T, phường T, quận H, Hà Nội; (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Toà án, đại diện nguyên đơn trình bày:**

Ngày 1/1/2020 Ngân hàng Á và ông Trần D ký Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1431.020120, với nội dung sau: số tiền vay: 370.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng, kể từ ngày kế tiếp ngày bên được cấp tín dụng nhận tiền vay lần đầu;

Mục đích cho vay: tiêu dùng không có tài sản đảm bảo; Phương thức cho vay: cho vay từng lần; Lãi suất trong hạn: lãi suất theo dư nợ ban đầu: 11%/năm, lãi suất tính theo dư nợ cho vay thực tế: 21,64%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; lãi suất chậm trả lãi: 10%/năm; Ngày giải ngân: 2/1/2020; Phương thức giải ngân: Chuyển toàn bộ số tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần vào tài khoản thanh toán số 10360907 của khách hàng tại ngân hàng. Kể từ ngày giải ngân khách hàng đã thanh toán được tổng cộng: nợ gốc: 235.159.506 đồng, nợ lãi: 119.619.906 đồng. Nhưng từ sau ngày 16/12/2022 cho đến nay thì ông D không còn thanh toán cho ngân hàng. Do vậy ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn từ ngày 9/9/2023. Tạm tính đến ngày 2/12/2024 ông D còn nợ ngân hàng: nợ gốc: 154.155.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 31.399.137 đồng, nợ lãi quá hạn: 64.971.061 đồng; phạt chậm trả lãi: 6.58.027 đồng; tổng cộng: 257.112.225 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu: Buộc ông Trần D phải trả ngay cho A tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 17/4/2025 là 276.066.074 đồng, trong đó nợ gốc: 154.155.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 31.399.137 đồng, nợ lãi quá hạn: 82.244.699 đồng, phạt chậm trả lãi: 8.267.238 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 17/4/2025 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc vay theo quy định tại hợp đồng.

*** Bị đơn là ông Trần D:**

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn đến Tòa án làm việc và yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ để giải quyết vụ án. Nhưng bị đơn đều không đến Tòa án làm việc, không gửi ý kiến và không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án nên Tòa án không lấy được lời khai cũng không hòa giải được. Tòa án đã tổng đạt đúng quy định quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hoàn Kiếm tại phiên tòa phát biểu ý kiến:**

- Về thời hiệu và thẩm quyền: Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thời hiệu và thẩm quyền theo quy định.

- Thẩm phán lập hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ, tiến hành giao các văn bản tố tụng và tiến hành trình tự, thủ tục tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định của pháp luật.

- Tòa án đã xác minh và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự theo quy định pháp luật. Đại diện của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng đối với ông Trần D là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí DSST: Nguyên đơn được hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên toà, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1431.020120 ngày 2/1/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn, quá trình thực hiện hợp đồng do bị đơn ông Trần D vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 điều 26 BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ thường trú là số S T, phường T, quận H, Hà Nội. Theo cung cấp của Công an phường T, quận H, Hà Nội: “*Anh Trần D có HKTT và chỗ ở hiện nay tại D T, phường T, quận H, Hà Nội*” nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND quận Hoàn Kiếm.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn lần thứ 2 vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

* Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của hợp đồng: Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN1431.020120 ngày 2/1/2020 được các bên xác lập tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 3 BLDS. Về hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định tại điều 119 BLDS. Vì vậy Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN1431.020120 ngày 2/1/2020 xác định là hợp pháp và có hiệu lực pháp luật theo và có hiệu lực theo quy định tại Điều 117, 118, 119 BLDS kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 BLDS.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng của các bên: Nguyên đơn đã thực hiện đúng hợp đồng, chuyển khoản toàn bộ khoản tiền vay (nợ gốc) được giải ngân một lần vào tài khoản thanh toán số 10360907 của ông Trần D. Kể từ ngày giải ngân ông D đã thanh toán được tổng cộng: nợ gốc: 235.159.506 đồng, nợ lãi: 119.619.906 đồng và ông D không còn thanh toán cho ngân hàng kể từ sau ngày 16/12/2022. Ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 4. Thanh toán gốc và lãi của Hợp đồng nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn từ ngày 9/9/2023 theo Điều 7 của Hợp đồng là đúng theo thoả thuận đã ký. Tính đến ngày xét xử ông D còn nợ ngân hàng số tiền 276.066.074 đồng, trong đó nợ gốc: 154.155.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 31.399.137 đồng, nợ lãi quá hạn: 82.244.699 đồng, phạt chậm trả lãi: 8.267.238 đồng.

Đối với yêu cầu tính lãi: xét mức lãi suất trong hạn, quá hạn và lãi suất phạt chậm trả lãi, mức phí và cách tính phí, mức phạt và cách tính phạt vi phạm do chậm trả lãi được các bên thống nhất thoả thuận quy định tại Điều 2 và khoản 4. 2 Điều 4 của Hợp đồng, thông báo lịch trả nợ vay ngày 2/1/2020, Quyết định của ngân hàng Á

về biểu lãi suất cho vay, các mức phí vi phạm hợp đồng, cam kết vay vốn đối với khách hàng cá nhân, bảng tính lãi theo tài khoản của khách hàng là phù hợp với thỏa thuận các bên đã ký và quy định pháp luật. Bản sao kê giao dịch thể hiện quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận và ngày 9/9/2023 ngân hàng đã chuyển khoản vay của bị đơn sang nợ quá hạn là đúng theo thỏa thuận và quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Ngoài ra bị đơn còn có trách nhiệm phải thanh toán khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 18/4/2025 đến khi thanh toán toàn bộ khoản nợ cho ngân hàng theo lãi suất quy định trong hợp đồng và không trái quy định của pháp luật.

Từ những phân tích đánh giá như trên, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn ông D phải có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho nguyên đơn theo hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN.1431.020120 ngày 2/1/2020, thông báo lịch trả nợ vay ngày 2/1/2020 và các văn bản ông D đã ký kết với ngân hàng.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ngân hàng được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn ông Trần D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 3, 117, 118, 119, 401 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Á (A) đối với ông Trần D về việc thanh toán số tiền dư nợ còn thiếu theo Hợp đồng cấp tín dụng số THL.CN1431.020120 ngày 2/1/2020.

Buộc ông Trần D phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Á (A) số tiền nợ tính đến ngày 17/4/2025 là 276.066.074 đồng, trong đó nợ gốc: 154.155.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 31.399.137 đồng, nợ lãi quá hạn: 82.244.699 đồng, phạt chậm trả lãi: 8.267.238 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/4/2025) cho đến khi thi hành án xong, ông Trần D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và được điều chỉnh phù hợp với lãi suất cho vay của Ngân hàng theo từng thời kỳ nhưng không trái quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Trần D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng).

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Á (A) số tiền tạm ứng án phí là 4.800.000 đồng (Bốn triệu, tám trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0069170 ngày 6/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hoàn Kiếm, TP .

Án xử công khai sơ thẩm, đại diện của nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hà Nội
- VKSND q. Hoàn Kiếm
- Chi cục THADS quận Hoàn Kiếm.
- Các đương sự
- Lưu HS
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Văn Ngọc